

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP KT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP KT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110847286

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 21, ngõ 96, khu tái định cư Dốc Hội, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu - Bán buôn hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống nảy mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây, các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất (Luật hóa chất) - Bán buôn thuốc thú y, bán thành phẩm, hóa chất, nguyên vật liệu sản xuất thuốc thú y, vắc xin thú y, chế phẩm sinh học thú y, thú y thủy sản, các chế phẩm dược liệu, thảo dược dùng cho chăn nuôi, kinh doanh premix, dưỡng chất, thức ăn dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản, hải sản.	4669
4.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690(Chính)
5.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

6.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4719
7.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh như cà phê bột, cà phê hòa tan, chè.	4722
9.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh thuốc thú y, bán thành phẩm, hóa chất, nguyên vật liệu sản xuất thuốc thú y, vắc xin thú y, chế phẩm sinh học thú y, thú y thủy sản, các chế phẩm dược liệu, thảo dược dùng cho chăn nuôi, kinh doanh premix, dưỡng chất, thức ăn dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản, hải sản, kinh doanh phân bón	4772
10.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; bán lẻ hoa, cảnh lá trang trí nhân tạo; bán lẻ phân bón	4773
11.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ, Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ	4781
12.	Xây dựng nhà để ở	4101
13.	Xây dựng nhà không để ở	4102
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
15.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
16.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
17.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán và chứng khoán)	7020
18.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
19.	Dịch vụ đóng gói	8292

20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ các loại Nhà nước cấm)	8299
21.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
22.	Quảng cáo	7310
23.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
24.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn dịch vụ nông nghiệp	7490
25.	Hoạt động thú y	7500
26.	Trồng lúa	0111
27.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
28.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
29.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
30.	Trồng cây hàng năm khác	0119
31.	Trồng cây ăn quả	0121
32.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
33.	Trồng cây điều	0123
34.	Trồng cây hồ tiêu	0124
35.	Trồng cây cà phê	0126
36.	Trồng cây chè	0127
37.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
38.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
39.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
40.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
41.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
42.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
43.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
44.	Chăn nuôi gia cầm	0146
45.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
46.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Không bao gồm hoạt động phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh cho cây trồng, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng)	0161
47.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (Không bao gồm ngành nghề thú y)	0162
48.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
49.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
50.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210

51.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
52.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
53.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
54.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
55.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và đóng hộp thủy sản; Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; Chế biến và bảo quản thủy sản khô; Chế biến và bảo quản nước mắm; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác.	1020
56.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
57.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
58.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa Chi tiết: - Chế biến các đồ uống giải khát từ sữa; Sản xuất kem từ sữa tươi, sữa đã tiệt trùng, diệt khuẩn, đồng hoá; - Sản xuất sữa làm khô hoặc sữa đặc có đường hoặc không đường; - Sản xuất sữa hoặc kem dạng rắn; - Sản xuất bơ; - Sản xuất sữa chua; - Sản xuất pho mát hoặc sữa đông; - Sản xuất sữa chua lỏng (chất lỏng giống nước còn lại sau khi sữa chua đã đông lại); - Sản xuất casein hoặc lactose;	1050
59.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
60.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
61.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
62.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
63.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: - Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt, - Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản, - Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác: như Sản xuất bánh pizza dạng đông lạnh	1075
64.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn	1079
65.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và sản xuất premix, dưỡng chất, thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản, hải sản.	1080
66.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011

* Họ và tên: NGÔ VĂN KỲ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Căn cước

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038084050193

Ngày cấp: 22/07/2024

Nơi cấp: Bộ Công an

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Chính Trung, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Chính Trung, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội